

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 984/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2021
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Như Phương;
2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1997

Địa chỉ cư trú: 23/4/26 K, Phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Song Hae J, sinh năm: 1974

Quốc tịch: Hàn Quốc

Địa chỉ: 30-1, Gaeyado 6 – gil, Okdo – myeon, Gunsan-si, Jeollabuk-do, Hàn Quốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, Bản tự khai ngày 12/6/2020 và trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Phương T - nguyên đơn trình bày:

Năm 2018, Bà và ông Song Hae J tự nguyện kết hôn tại Okdo – myeon, Gunsan-si, Jeollabuk-do (vào sổ hộ tịch việc kết hôn số đăng ký kết hôn 2018-4752 ngày 05/3/2018 đồng thời được ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngày 21/9/2018, Bà sang Hàn Quốc sống chung với ông Song Hae J và gia đình chồng được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, ngoài ra Bà còn bị Mẹ và em gái của chồng hành hung khi ông Song Hae J không ở nhà; vài tháng sau đó bà T trở về Việt Nam, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa.

Bà T cho rằng mối quan hệ vợ chồng giữa Bà và ông Song Hae J không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để thông báo thời gian mở các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Song Hae J không có mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,

- Bị đơn ông Song Hae J vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Song Hae J là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn có nơi cư trú tại Hàn Quốc nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 02/11/2020 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn ông Song Hae J theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 28/12/2020, Tòa án nhận được Công hàm số 2816/CH-BTP của Bộ Tư pháp thông báo đã gửi hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp cho bị đơn ông Song Hae J; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa lần thứ III ông Song Hae J vẫn không có mặt nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12/6/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ bản sao Trích lục ghi chú kết hôn số 225/TLGCKH ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Song Hae J là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T thì hiện ông Song Hae J sinh sống, làm việc ở Hàn Quốc còn Bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện sống chung với nhau; bên cạnh đó, sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng do cả hai ở hai nơi khác nhau nên mâu thuẫn kéo dài dẫn đến khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không có. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Song Hae J biết yêu cầu ly hôn của bà T và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử (lần thứ I, lần thứ II, lần thứ III) nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Song Hae J không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Song Hae J đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà T có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Song Hae J.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0091656 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Phương T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Song Hae J được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- UBND quận P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan